

Số: 23 /2024/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 04 tháng 10 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản trang bị khi kết thúc nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 63/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 102/TTr-STC ngày 30/7/2024 và Văn bản số 4092/STC-GCS ngày 17/9/2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định về việc phân cấp thẩm quyền xử lý tài sản trang bị khi kết thúc nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của thành phố theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị

định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước.

b) Các nội dung có liên quan đến việc xử lý tài sản trang bị khi kết thúc nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo Nghị định số 70/2018/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

## 2. Đối tượng áp dụng

- a) Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ;
- b) Cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- c) Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- d) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quá trình quản lý, sử dụng tài sản trang bị triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**Điều 2. Thẩm quyền quyết định giao tài sản cho tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP của Chính phủ là cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương**

1. Ủy ban nhân dân thành phố quyết định giao tài sản đối với: Trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; phương tiện vận chuyển; tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật; tài sản khác có nguyên giá từ 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên.

2. Các cơ quan nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quyết định giao tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản khác có nguyên giá dưới 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giao tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản khác có giá trị tài sản nguyên giá dưới 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trừ tài sản quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao tài sản thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản khác có giá trị nguyên giá dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

**Điều 3. Thẩm quyền quyết định bán tài sản trực tiếp cho tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP của Chính phủ**

1. Ủy ban nhân dân thành phố quyết định bán tài sản đối với: Trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; phương tiện vận chuyển; tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật; tài sản khác có giá trị nguyên giá từ 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên.

2. Các cơ quan nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quyết định bán tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản khác có giá trị nguyên giá dưới 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản khác có giá trị tài sản nguyên giá dưới 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trừ tài sản quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản khác có giá trị nguyên giá dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

**Điều 4. Thẩm quyền quyết định giao quyền sử dụng tài sản của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức, cá nhân chủ trì quy định tại Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP của Chính phủ**

Ủy ban nhân dân thành phố quyết định giao quyền sử dụng tài sản của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức, cá nhân chủ trì trên cơ sở kết luận của Hội đồng nghiệm thu về khả năng tiếp tục phát huy, hoàn thiện kết quả, thương mại hóa công nghệ, sản phẩm và đề nghị của cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**Điều 5. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương quy định tại điểm a khoản 4 Điều 7 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP của Chính phủ**

1. Ủy ban nhân dân thành phố quyết định điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với tài sản: Trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; phương tiện vận chuyển; tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật; tài sản khác trừ tài sản quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các cơ quan nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản giữa các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của mình đối với tài sản khác có giá trị nguyên giá dưới 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

**Điều 6. Thẩm quyền quyết định bán tài sản quy định tại điểm b khoản 4 Điều 7 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP của Chính phủ**

1. Ủy ban nhân dân thành phố quyết định bán tài sản đối với: Trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; phương tiện vận chuyển; tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật; tài sản khác có giá trị nguyên giá từ 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên.

2. Các cơ quan nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quyết định bán tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản khác có giá trị nguyên giá dưới 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản. //

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản khác có giá trị tài sản nguyên giá dưới 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trừ tài sản quy định tại khoản 4 điều này.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản khác có giá trị nguyên giá dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

**Điều 7. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản quy định tại điểm c khoản 4 Điều 7 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP của Chính phủ**

1. Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thanh lý tài sản đối với: Nhà làm việc; công trình sự nghiệp; phương tiện vận chuyển; tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật; tài sản khác gắn liền với đất và tài sản khác có giá trị nguyên giá từ 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên.

2. Các cơ quan nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thanh lý tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với: tài sản khác gắn liền với đất và tài sản khác có giá trị nguyên giá dưới 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với: Tài sản khác gắn liền với đất và tài sản khác có giá trị nguyên giá dưới 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trừ tài sản quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản thuộc phạm vi quản lý đối với: Tài sản khác gắn liền với đất và tài sản khác có giá trị nguyên giá dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

**Điều 8. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản quy định tại điểm d khoản 4 Điều 7 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP của Chính phủ**

1. Ủy ban nhân dân thành phố quyết định tiêu hủy tài sản đối với: Nhà làm việc; công trình sự nghiệp; phương tiện vận chuyển; tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật; tài sản khác gắn liền với đất và tài sản khác có giá trị nguyên giá từ 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên.

2. Các cơ quan nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quyết định tiêu hủy tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với: Tài sản khác gắn liền với đất và tài sản khác có giá trị nguyên giá dưới 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với: Tài sản khác gắn liền với đất và tài sản khác có giá trị nguyên giá dưới 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trừ tài sản quy định tại khoản 4 điều này. ✓



4. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu hủy tài sản thuộc phạm vi quản lý đối với: Tài sản khác gắn liền với đất và tài sản khác có giá trị nguyên giá dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

### **Điều 9. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2024.

### **Điều 10. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị khối thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 10;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB QPPL);
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP;
- TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành TP;
- UBND các quận, huyện;
- Đài PTTH HP, Báo Hải Phòng;
- Công báo TP; Cổng TTĐT TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Các phòng CV;
- Lưu: VT, TC3

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Tùng**